

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN LINH

Số: 96 /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn Linh, ngày 07 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách đại diện gia đình liệt sĩ nhận quà tặng bằng hiện vật nhân kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh – Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2025), kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh ngày 02/9

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ SƠN LINH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Pháp lệnh ưu đãi số 02/2020/UBTVQH14 ngày 09/12/2020 của UBTVQH về Ưu đãi với người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 131/2021/NĐ-CP ngày 30/12/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành một số điều của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng;

Căn cứ Nghị định số 129/NĐ-CP ngày 11/6/2025 của Chính Phủ quy định về phân thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị quyết số 1677/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

Căn cứ Công văn số 425/SNV-NCC ngày 31/7/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi về việc rà soát, phê duyệt danh sách tặng quà bằng hiện vật cho gia đình liệt sĩ nhân kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh – Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2025), kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh ngày 02/9;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Văn hóa - Xã hội xã Sơn Linh,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách đại diện gia đình liệt sĩ nhận quà tặng thăm hỏi gia đình liệt sĩ nhân kỷ niệm 78 năm ngày Thương binh – Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2025), kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh ngày 02/9, có 264 đối tượng.

(có phụ lục danh sách kèm theo)

Điều 2. Giao Phòng Văn hóa – Xã hội tiếp nhận và cấp phát quà cho đại diện gia đình liệt sĩ đảm bảo đúng đối tượng, không trùng lặp, chậm trễ hoặc thiếu sót. Thời gian tiếp nhận và cấp phát thực hiện theo Công văn số 425/SNV-NCC ngày 31/7/2025 của Sở Nội vụ tỉnh Quảng Ngãi về việc rà soát, phê duyệt danh sách tặng quà bằng hiện vật cho gia đình liệt sĩ nhân kỷ niệm 78 năm ngày

Thương binh – Liệt sĩ (27/7/1947-27/7/2025), kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh ngày 02/9.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã; Trưởng phòng Văn hóa – Xã hội; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và cá nhân có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Sở Nội vụ tỉnh;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Thường trực HĐND xã;
- Cơ quan UBMTTQVN xã;
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu: VT.



CHỦ TỊCH

Sang Thị Minh Ngọc



ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ SƠN LINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**DANH SÁCH TẶNG QUÀ HIỆN VẬT CHO GIA ĐÌNH LIỆT SĨ NHÂN KỶ NIỆM 78
NĂM NGÀY THƯƠNG BINH LIỆT SĨ 27/7/1947-27/7/2025 VÀ KỶ NIỆM 80 NĂM CÁCH
MẠNG THÁNG TÁM VÀ QUỐC KHÁNH NGÀY 02/9**

(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày 07/8/2025 của UBND xã Sơn Linh)

TT	Thông tin về liệt sĩ		Thông tin về người nhận quà hiện vật		Ghi chú
	Họ và tên liệt sĩ	Số hồ sơ	Họ và tên thân	Hiện thường trú	
01	02	03	04	05	6
1	Đinh Eo	2AC-910 ^b	Đinh Thị Nhiệm	Thôn Làng Rí	
2	Đinh Nhuỗi	6K - 683 ^b	Đinh Thị Bể	Thôn Làng Rí	
3	Đinh Văn Thái	6K 12 ^b	Đinh Vinh	Thôn Làng Rí	
4	Đinh Ba Rum	8N-090 ^b	Đinh Thị Lú	Thôn Làng Rí	
5	Đinh Nghéo	7K677 ^b	Đinh Viên	Thôn Làng Rí	
6	Đinh Nếp	1RC-615 ^b	Đinh Nay	Thôn Làng Rí	
7	Đinh Đă	7E 851 ^b	Đinh Thêu	Thôn Làng Rí	
8	Đinh Văn Nhiều	3A902C	Đinh Thị Nhiệm	Thôn Làng Lùng	
9	Đinh Văn Téo	48078	Đinh Thị Bà Rêm	Thôn Làng Lùng	
10	Đinh Hai	3P-9029	Đinh Thị Điền	Thôn Làng Lùng	
11	Đinh Văn Trì	GV 686	Đinh Ka Nhủ	Thôn Làng Lùng	
12	Đinh Ái	3Y 366 cm/CL	Đinh Thị Le	Thôn Làng Lùng	
13	Đinh Lịch	7P-252 ^b	Đinh Thị Rần	Thôn Đồng Giang	
14	Đinh Ôi	7P-36p	Đinh Văn Nhau	Thôn Đồng Giang	
15	Đinh Nội	EZ 655	Đinh Văn Nhau	Thôn Đồng Giang	
16	Đinh Nên	6H 915 ^b	Đinh Xuân Gầm	Thôn Đồng Giang	
17	Đinh Luân	7H-273p	Đinh Thị Vỹ	Thôn Đồng Giang	
18	Đinh Ét	1RC-499 ^b	Đinh Teo	Thôn Đồng Giang	
19	Đinh Xéo	2BC-005 ^b	Đinh Điền	Thôn Đồng Giang	
20	Đinh Xăng Xem	34282	Đinh Thị Bê	Thôn Đồng Giang	
21	Đinh A Ran	6K-711 ^b	Đinh Thị Cát	Thôn Làng Rê	
22	Trần Cà	QN/LS 4457	Trần Thị Em	Thôn Làng Rê	
23	Trần Đâu	7H-162 ^b	Trần Thị Em	Thôn Làng Rê	
24	Đinh Nhía	9G-107 ^b	Đinh Văn Sương	Thôn Làng Rê	
25	Cao Hàn	2A-340k	Cao Hệ	Thôn Làng Rê	
26	Đinh Điều (La)	5D260 ^b	Đinh Thị Đú	Thôn Làng Rê	
27	Đinh Tép	6K-740 ^b	Đinh Rìn	Thôn Làng Rê	

28	Đinh Bạng	2B427K	Đinh Thị Cà Rát	Thôn Làng Rê	
29	Đinh Mết	7G- 316 ^b	Đinh Thị Khây	Thôn Làng Rê	
30	Đinh Bót	3Z 579 c	Đinh Thị Ế	Thôn Làng Rê	
31	Đinh Canh	2Q 445/CL	Đinh Văn Bẻ	Thôn Làng Rê	
32	Đinh Ái	PC-694 ^k	Đinh Lý	Thôn Làng Rê	
33	Đinh Thị Trăn	GV655	Đinh Thị Bê	Thôn Làng Rê	
34	Đinh Nẻo	7P-308 ^b	Đinh Bỏ	Thôn Làng Rê	
35	Đinh Rang	GP 894 cm/CL	Đinh Thị Rả	Thôn Làng Rê	
36	Phạm Biên	9A 651 cl	Phạm Ngọc Bai	Thôn Gò Đồn	
37	Phạm Tấn Khai	7P 172bm	Phạm Ngọc Bai	Thôn Gò Đồn	
38	Trần Nghìn	3557	Trần Thị Di	Thôn Gò Đồn	
39	Trần Kim	34343	Trần Đức Quang	Thôn Gò Đồn	
40	Trần Thị Đây	CD-649 ^{cm}	Võ Hiệp	Thôn Gò Đồn	
41	Huỳnh Tấn Điện	EC890 ^{cm}	Huỳnh Tấn Sơn	Thôn Gò Đồn	
42	Huỳnh May	2AC964 ^b	Huỳnh Tấn Sơn	Thôn Gò Đồn	
43	Võ Văn Tự	BX-246 ^{cm}	Võ Thị Kim Tuyền	Thôn Gò Đồn	
44	Đinh Rà	3R 193 ^k	Đinh Văn Rô	Thôn Tà Đình	
45	Đinh Nhay	EL300 ^{cm}	Đinh Mai	Thôn Tà Đình	
46	Đinh Văn Sếu	EP 666 ^{bm}	Đinh Thị Trỗi	Thôn Tà Đình	
47	Đinh Gùn	689	Đinh Thị Đờn	Thôn Làng Ghè	
48	Đinh Trắng	47912	Đinh Thị Róa	Thôn Làng Ghè	
49	Đinh Văn Rông	30922	Đinh Văn Bắc	Thôn Làng Ghè	
50	Đinh Phúc	49709	Đinh Thị Đơn	Thôn Làng Xinh	
51	Đinh Lít	3649	Đinh Thị Giúp	Thôn Làng Xinh	
52	Đinh Dứa	47928	Đinh Thị Ổ	Thôn Làng Xinh	
53	Đinh Đá	34380	Đinh Thị Ka	Thôn Làng Xinh	
54	Đinh Giữa	4232	Đinh Văn Cầu	Thôn Làng Xinh	
55	Đinh Tréo	39388	Đinh Văn Chanh	Thôn Làng Xinh	
56	Đinh Cái	47906	Đinh Ngát	Thôn Làng Ghè	
57	Đinh Xây	47907	Đinh Thị Vênh	Thôn Gò Da	
58	Đinh Tỷ	VC-829c	Đinh Văn Hiệu	Thôn Bò Nung	
59	Đinh Thị Ngách	EU774	Đinh Dưa	Thôn Đồng A	
60	Đinh Thị Lia	3646	Đinh Giá	Thôn Bò Nung	
61	Đinh Văn Nhiên	ĐR261KM	Đinh Thị Bĩa	Thôn Làng Xinh	
62	Đinh Mỏ	GH-961K	Đinh Thị Róp	Thôn Làng Xinh	

63	Đinh Lươu	GV646	Đinh Du	Thôn Bò Nung	
64	Đinh Nuốt	723/QĐ-TTg	Đinh Rơ Cua	Thôn Làng Ghè	
65	Đinh Đền	6702	Đinh Thị Qua	Thôn Làng Xinh	
66	Đinh Chưa	C7-796KM	Đinh Văn Nhi	Thôn Làng Xinh	
67	Đinh Văn Muộn	56744	Đinh Thị Trê	Thôn Làng Ghè	
68	Đinh Thị Giới	GD866	Đinh Văn Rô	Thôn Làng Xinh	
69	Đinh Văn Vị	EO-780CM	Đinh Ka Ni	Thôn Làng Xinh	
70	Đinh Răm	34379	Đinh Thị Quên	Thôn Gò Da	
71	Đinh Văn Ngỏ	EZ669	Đinh Thị Be	Thôn Gò Da	
72	Đinh Văn Hai	GV780	Đinh Thị Rêu	Thôn Gò Da	
73	Đinh Triên	6475	Đinh Văn Buôn	Thôn Gò Da	
74	Đinh Din	47899	Đinh Thị Nhách	Thôn Gò Da	
75	Đinh Ba Ke	03369	Đinh Dầm	Thôn Gò Da	
76	Nguyễn Văn Toán	47917	Nguyễn Văn Tiến	Thôn Gò Da	
77	Nguyễn Thanh Hùng	7K-182b	Nguyễn Thành Thu	Thôn Gò Da	
78	Lê Văn Phúc	34478	Lê Văn Thiện	Thôn Gò Da	
79	Đinh Nhít	EL134Km	Đinh Lác	Thôn Gò Da	
80	Trần Văn Lênh	7P258b/CL	Lê Văn Điệp	Thôn Gò Da	
81	Đinh Văn Gỏ	698NB/LS	Đinh Trô	Thôn Gò Da	
82	Đinh Ca Lải	47904	Đinh Thị Giả	Thôn Làng Ghè	
83	Đinh Văn Cỏi	EL 154	Đinh Văn Dồn	Thôn Làng Ghè	
84	Đinh Ít	54963	Đinh Văn Bình	Thôn Làng Ghè	
85	Đinh Hót	5079	Đinh Văn Rương	Thôn Làng Ghè	
86	Đinh Vôn	49420	Đinh Thị Măm	Thôn Làng Ghè	
87	Đinh A Rỏ	791/QĐ-TTg	Đinh Bón	Thôn Làng Ghè	
88	Đinh Đói	1190	Đinh A Dua	Thôn Làng Ghè	
89	Đinh Thanh Quý	T592bm	Đinh Văn Theo	Thôn Làng Ghè	
90	Đinh Văn Trãi	176/QĐ-TTg	Đinh Thị Chen	Thôn Làng Ghè	
91	Đinh Trân	47916	Đinh Ba Ruốt	Thôn Làng Ghè	
92	Đinh Trôi	5897	Đinh Thị Thấp	Thôn Làng Ghè	
93	Đinh Tôi	GR-781Km	Đinh Văn Bóp	Thôn Làng Ghè	
94	Đinh Ít	9b-210b	Đinh Thị Mót	Thôn Làng Ghè	
95	Đinh Tréa	791/QĐ-TTg	Đinh Sôi	Thôn Làng Ghè	
96	Đinh Dập	30074	Đinh Thị Rung	Thôn Làng Ghè	
97	Đinh Trần	47916	Phương	Thôn Bò Nung	

98	Phạm Xuân Đông	61020b	Phạm Thị Định	Thôn Bồ Nung	
99	Đinh Ngô	47928NB/LS	Đinh Éo	Thôn Bồ Nung	
100	Phạm Hiệp	2Q351R	Trần Ninh	Thôn Bồ Nung	
101	Đinh Vị	4547	Đinh Thị Trước	Thôn Bồ Nung	
102	Đinh Be	3652	Đinh Thị Dỏ	Thôn Bồ Nung	
103	Đinh Nhiều	45773	Đinh Rát	Thôn Đồng A	
104	Đinh Ổi	43785	Đinh Thị Hát	Thôn Đồng A	
105	Đinh Gà	48081	Đinh Hà Lũa	Thôn Đồng A	
106	Đinh Trăm	GD-224KM	Đinh Văn Thành	Thôn Ka La	
107	Đinh Lút	30070	Đinh Thị Chế	Thôn Ka La	
108	Đinh Mãi	57929	Đinh K Dây	Thôn Làng Xinh	
109	Đinh Út	2Q-453K	Đinh Viên	Thôn Làng Xinh	
110	Đinh Bờ Ranh	30062	Đinh Tàn	Thôn Làng Xinh	
111	Đinh Văn Dôn	EL-130KM	Đinh Thị Bài	Thôn Làng Xinh	
112	Đinh Văn Cải	2Q448/CL	Đinh Văn Bum	Thôn Làng Xinh	
113	Đinh Ca Rem	48080	Đinh Nhanh	Thôn Làng Xinh	
114	Đinh Ca Ray	47900	Đinh Nhanh	Thôn Làng Xinh	
115	Đinh Thị Nang	GV653	Đinh Văn Bắc	Thôn Làng Xinh	
116	Đinh Sốt	2Q295K/CL	Đinh Văn Bết	Thôn Làng Xinh	
117	Đinh Văn Dổ	Ễ823	Đinh Trâm	Thôn Làng Xinh	
118	Đinh Văn Du	Ễ815KM	Đinh Cà Nia	Thôn Làng Xinh	
119	Đinh Đách	GV642KM	Đinh Thị Dân	Thôn Làng Xinh	
120	Đinh Cà Rò	3635	Đinh Thị Troa	Thôn Làng Xinh	
121	Đinh Văn Trương	GD827KM	Đinh Địa	Thôn Làng Xinh	
122	Đinh Rạt	47911	Đinh Thị Viên	Thôn Làng Xinh	
123	Đinh Ba Quái	4G424c	Phạm Thị Sơn	Thôn Đồng A	
124	Trần Văn Tuyên	34493NB/LS	Lê Tư Tài	Thôn Làng Ghè	
125	Đinh Văn Rau	3204NB/LS	Đinh Thị Cua	Thôn Làng Xinh	
126	Đinh Trẻo	5897	Đinh K Nưn	Thôn Làng Xinh	
127	Đinh Văn Sur	30064NB/LS	Đinh Xêm	Thôn Làng Xinh	
128	Phạm Chung	21347	Phạm Ngọc Hiền	Thôn Làng Ghè	
129	Phạm Tư	21516	Phạm Ngọc Hiền	Thôn Làng Ghè	
130	Đinh Thị Ngách	4492	Đinh Bem	Thôn Bồ Nung	
131	Mẹ LS Đinh Non	343	Đinh Thị Rên	Thôn Xà Ấy	
132	Vợ LS Đinh Núi	43230	Đinh Thị Máy	Thôn Làng Trắng	

133	Chồng LS Đình	4423	Đình Đông	Thôn Làng Tráng	
134	Mẹ LS Đình Thị	4421	Đình Thị Miên	Thôn Xà Ấy	
135	Mẹ LS Đình Văn	5868	Đình Thị Nhét	Thôn Xà Ấy	
136	Mẹ LS Đình Văn	6278	Đình Thị Dần	Thôn Xà Ấy	
137	Đình Văn Bảy	AY 721 k/cL	Đình Thị Bồi	Thôn Làng Trá	
138	Đình Lối	6H 884 k/cL	Đình Thị Náy	Thôn Làng Trá	
139	Đình Nhú	1RC 630 c/cL	Đình Văn Trờ	Thôn Làng Trá	
140	Đình Ngoạt	6H 937 k/cL	Đình Văn Choi	Thôn Làng Trá	
141	Đình Nhĩ	BL 833 c/cL	Đình Văn Choi	Thôn Làng Trá	
142	Đình Nhóa	3N 968 k/cL	Đình Thị Tra	Thôn Làng Trá	
143	Đình Văn Ny	EL 337 em	Đình Văn Dầm	Thôn Làng Trá	
144	Đình Chang	B1673 k/cL	Đình Văn Dầm	Thôn Làng Trá	
145	Đình Xuân Lãng	6I 3096	Đình Thị Đốt	Thôn Làng Trá	
146	Đình Hà Rét	AY 625 k/cL	Đình Văn Khi	Thôn Làng Trá	
147	Đình Phê	AY 723 k/cL	Đình Thị Mai	Thôn Làng Trá	
148	Đình Ngáy	6H 933 k/cL	Đình Thị Nghét	Thôn Làng Trá	
149	Đình Thị Mẹ Bờ	EL 306 em	Đình Vái	Thôn Làng Trá	
150	Đình Thị Nhôi	EL 857 em	Đình Thị Hoạch	Thôn Làng Trá	
151	Đình Văn Vĩa	EL 345 em	Đình Văn Piên	Thôn Làng Trá	
152	Đình Văn Hòa	3R 918 k/cL	Đình Văn Piên	Thôn Làng Trá	
153	Đình Văn Lý	DU 025 em	Đình Văn Piên	Thôn Làng Trá	
154	Đình Tẩy	3H 274 k/cL	Đình Văn Piên	Thôn Làng Trá	
155	Đình Văn Tăng	ER 860 em	Đình Thị Mông	Thôn Làng Trá	
156	Đình Ranh	6H 905 k/cL	Đình Vân	Thôn Làng Trá	
157	Đình Văn Oi	ER 822 km	Đình Thị Lá	Thôn Làng Trá	
158	Đình Thị Véo	EL 313 em	Đình Thanh Huyền	Thôn Làng Trá	
159	Đình Văn Thành	4H 693 b/cL	Đình Thị Sảy	Thôn Làng Trá	
160	Đình Ngô	EL 299	Đình Thị Xít	Thôn Làng Trá	
161	Đình Nhiên	GV 765 em	Đình Thị Nhảy	Thôn Làng Trá	
162	Đình Thị Vơ	GV 657 km	Đình Văn Kem	Thôn Làng Trá	
163	Trần Văn Sơn	GX 199	Trần Công Hội	Thôn Làng Trá	
164	Đình Văn Em	EL 342 em	Đình Văn Trau	Thôn Làng Trá	
165	Đình Văn Nhói	EL 336 em	Đình Văn Trầm	Thôn Làng Trá	
166	Đình Nhúi	6H 921 b/cL	Đình Thị Phinh	Thôn Làng Trá	
167	Đình Quẻ	6H 951 b/CL	Đình Thị Quý	Thôn Làng Trá	

168	Lâm Trục	E0 680 km	Lâm Tấn Đức	Thôn Làng Trá	
169	Lâm Thị Sửu	G 554b/cl	Lâm Tấn Đức	Thôn Làng Trá	
170	Đinh Troi	45756	Đinh Văn Trỗi	Thôn Làng Trá	
171	Đinh Hệ	6H 867 k/cL	Đinh Văn Nga	Thôn Xà Ấy	
172	Đinh Nét	6H 916 b/cL	Đinh Thị Ro	Thôn Xà Ấy	
173	Đinh Văn Bốn	AY 642 m/CL	Đinh Thị Ro	Thôn Xà Ấy	
174	Đinh Thị Hỷ	EL 143 km	Đinh Thị Nhay	Thôn Xà Ấy	
175	Đinh Thép	6H 992 k/Cl	Đinh Văn Phăng	Thôn Xà Ấy	
176	Đinh Thị Hên	EL 142 km	Đinh Văn Phăng	Thôn Xà Ấy	
177	Đinh Văn Nha	9G 111 b/cL	Đinh Văn Trắng	Thôn Xà Ấy	
178	Đinh Văn Trôi	7Q 558 KT/Cl	Đinh Văn Trắng	Thôn Xà Ấy	
179	Đinh Pa Rê	6I 063 b	Đinh Thị Thâu	Thôn Xà Ấy	
180	Đinh Văn Dưa	GV 666 km	Đinh Văn Min	Thôn Xà Ấy	
181	Đinh Thị Rương	GV 691	Đinh Văn Min	Thôn Xà Ấy	
182	Đinh Thị Năm	GH 693 km	Đinh Thị Trom	Thôn Xà Ấy	
183	Đinh Đoá	9E 962 b/Cl	Đinh Thị Sơ	Thôn Xà Ấy	
184	Đinh Roa	6H 954 b/Cl	Đinh Thị Sơ	Thôn Xà Ấy	
185	Đinh Thị Pớ	GV 773 cm	Đinh Văn Việt	Thôn Xà Ấy	
186	Đinh Văn Nέα	GV 786 cm	Đinh Văn Việt	Thôn Xà Ấy	
187	Đinh Thị Dương	GV 650	Đinh Thị La	Thôn Xà Ấy	
188	Đinh Văn Rem	HA - 585 km	Đinh Thị La	Thôn Xà Ấy	
189	Đinh Văn Xê	EL 346 cm	Đinh Văn Trị	Thôn Xà Ấy	
190	Đinh Eó	3U 479 Km/Cl	Đinh Thị Miêu	Thôn Xà Ấy	
191	Đinh Văn Dồ	E R 823 m/CL	Đinh Thị Bét	Thôn Xà Ấy	
192	Đinh Cuốc	6H 792 bm/Cl	Đinh Thị Lay	Thôn Xà Ấy	
193	Phạm Văn Hội	EO 722	Đinh Văn Biên	Thôn Xà Ấy	
194	Đinh Rênh	GV 648 km	Đinh Văn Bát	Thôn Làng Trắng	
195	Đinh Văn Ruốt	EL 182 km	Đinh Thị Cheo	Thôn Làng Trắng	
196	Đinh Troa	6H 977 b/cL	Đinh Cao Cường	Thôn Làng Trắng	
197	Đinh Thị Mấy	GD 868 cm	Đinh Cao Cường	Thôn Làng Trắng	
198	ĐinhThị Đa	GD 862 cm	Đinh Thị Hia	Thôn Làng Trắng	
199	Đinh Văn Dứa	EL 162 km	Đinh Thị Men	Thôn Làng Trắng	
200	Đinh Văn Đuôi	EL 318 em	Đinh Thị Trôn	Thôn Làng Trắng	
201	Đinh Thị Đẻ	EL 853 cm	Đinh Văn Mềm	Thôn Làng Trắng	
202	Đinh Tiếp	AY 645 k/cL	Đinh Thị Kiểu	Thôn Làng Trắng	

203	Đinh Văn Đại	AY 685 c/cL	Đinh Thị A	Thôn Làng Trắng	
204	Nguyễn Tô	9H-375b	Nguyễn Văn Hùng	Thôn Làng Trắng	
205	Đinh Văn Ua	EL 342 em	Đinh Văn Trí	Thôn Làng Trắng	
206	Đinh Beo	3U 183 b/Cl	Đinh Thị Cân	Thôn Làng Trắng	
207	Đinh Rách	6H 959 bm/CL	Đinh Văn Chia	Thôn Làng Trắng	
208	Đinh Đẻo	6H 829 bm/CL	Đinh Văn Đầy	Thôn Làng Trắng	
209	Đinh Dát	6H 814 b/cL	Đinh Văn Lết	Thôn Đồng Sạ	
210	Đinh Văn Diếp	AY 691 b/cL	Đinh Văn Lết	Thôn Đồng Sạ	
211	Đinh Thị Hêm	GD-867 em	Đinh Thị Kết	Thôn Đồng Sạ	
212	Đinh Thị Ngơ Rỗ	GD-869 em	Đinh Ngút	Thôn Đồng Sạ	
213	Đinh Ruốt	AY 642 b/cL	Đinh Thị Nía	Thôn Đồng Sạ	
214	Đinh Văn Yêu	61039 b/cL	Đinh Eó	Thôn Đồng Sạ	
215	Đinh Von	EL 201 km	Đinh Thị Dổ	Thôn Đồng Sạ	
216	Đinh Da Riêm	AY 722 k/cL	Đinh Văn Mi	Thôn Đồng Sạ	
217	Đinh Thị Blen	ER 854 cm	Đinh K Rễ	Thôn Đồng Sạ	
218	Đinh Thị Hồi	GV 770 cm	Đinh Thị Khang	Thôn Đồng Sạ	
219	Đinh Thị Danh	EL 140 Km/Cl	Đinh Gà Rẻ	Thôn Đồng Sạ	
220	Đinh Điềng	2343	Đinh Thị Lập	Thôn Đồng Sạ	
221	Đinh Nghẽ	6H 941 K/cL	Đinh Văn Bân	Thôn Làng Mon	
222	Đinh Dã	3U 747 k/cL	Đinh Thị Cà Réo	Thôn Làng Mon	
223	Đinh Dòn	6H 806 k/Cl	Đinh Thị KRã	Thôn Làng Mon	
224	Đinh Văn Dót	ĐR 245 bm	Đinh Thị Ra	Thôn Làng Mon	
225	Đinh Thị Rây	ER 819 km	Đinh Văn Eo	Thôn Làng Mon	
226	Phạm Thị Hoa	ER 884 cm	Phạm Thái Sơn	Thôn Làng Mon	
227	Đinh Bôn	6H 780 b	Đinh Thị Bùi	Thôn Làng Mon	
228	Đinh Nôn	6H 910 b/Cl	Đinh Thị Phâu	Thôn Làng Mon	
229	Đinh Muôn	6H 899 b/Cl	Đinh Thị Xề	Thôn Làng Mon	
230	Đinh Văn Thành	EL 184 km	Đinh Thị Rới	Thôn Làng Mon	
231	Đinh Thị Bấy	61 088 b/cL	Đinh Hồng Trái	Thôn Làng Mon	
232	Đinh K Rân	6H 955 k/cL	Đinh Thị Bà Lên	Thôn Làng Mon	
233	Đinh Hiền	6H 886 k/CL	Đinh Văn Gió	Thôn Làng Mon	
234	Đinh Cà Ruông	ER 814 km	Đinh Thị Khôi	Thôn Làng Mon	
235	Đinh Nhít	6H 926k/CL	Đinh Thị Lúi	Thôn Làng Mon	
236	Phạm Nép (Nâm)	4H-701b	Đinh Thanh Nem	Thôn Làng Mon	
237	Đinh Hà Dong	6I 016 bm/CL	Đinh Văn Bén	Thôn Làng Mon	

238	Đinh Thị Vui	GD 870 em	Đinh Thị Thu	Thôn Làng Mon	
239	Đinh Văn Đỗ	EL 158 km	Đinh Kim Trâm	Thôn Làng Gung	
240	Đinh B Rân	EL 124 km	Đinh Lãm	Thôn Làng Gung	
241	Đinh Văn Do	EL 160 km	Đinh Thị Bông	Thôn Làng Gung	
242	Đinh Ênh	EL 296 cm	Đinh Văn Lạc	Thôn Làng Gung	
243	Đinh Lĩa	GV 763 cm	Đinh Văn Lạc	Thôn Làng Gung	
244	Đinh Trép	GV 659 km	Đinh Thị Rú	Thôn Làng Gung	
245	Đinh Văn Nhéo	EZ 633 km	Đinh Văn Lạc	Thôn Làng Gung	
246	Đinh Nhéo	GV 764 cm	Đinh Văn Lạc	Thôn Làng Gung	
247	Đinh Thỏ	GV 767 cm	Đinh Văn Qú	Thôn Làng Gung	
248	Đinh K Rã	ER 876 km	Đinh Thị Miết	Thôn Làng Gung	
249	Đinh Văn Đồi	BM598 bm/CL	Đinh Thị Đỏ	Thôn Làng Gung	
250	Đinh Ấp	GD 861 em	Đinh Thị Ắ	Thôn Làng Gung	
251	Đinh Ráo	EL 137 km	Đinh Văn Sít	Thôn Làng Gung	
252	Đinh Ra Nhơ	ER 817 km	Đinh Thị Trờ	Thôn Làng Gung	
253	Đinh Văn Diều	EL 159 km	Đinh Thị Tia	Thôn Làng Gung	
254	Đinh Thị Tong	ER 820 km	Đinh Văn Him	Thôn Làng Gung	
255	Đinh Văn Dũa	GV 665 km	Đinh Văn Him	Thôn Làng Gung	
256	Phạm Thị Thế	HA 639 Km	Đinh Thị Trinh	Thôn Làng Gung	
257	Đinh Văn Nhơ	GV 676 Km	Đinh Văn Náy	Thôn Làng Gung	
258	Đinh Thị Ruốt	GV 692 cm	Đinh Thị Rỗi	Thôn Làng Gung	
259	Đinh Đê	6H 834 bm/CL	Đinh Thị Rỗi	Thôn Làng Gung	
260	Đinh Thị Lã	4417 QN/LS	Đinh Trong	Thôn Làng Gung	
261	Đinh Hễ	6275QN/LS	Đinh Thị Trí	Thôn Làng Gung	
262	Đinh Pà Rét	AY 652 m/CL	Đinh Thị So	Thôn Làng Gung	
263	Đinh Văn Vách	EL 195 Km	Đinh Thị Rẻ	Thôn Làng Gung	
264	Đinh Hĩa	6294	Đinh Thị Bảy	Thôn Làng Gung	
	Tổng cộng				